

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T D
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 126/2022/HS-ST

Ngày 20-12-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T D - TỈNH NGHỆ AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Ái

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lữ Văn Thành. Nghề nghiệp: Cán bộ

Bà Lô Thị Huyền. Nghề nghiệp: Giáo viên

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thảo- Thư ký Tòa án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T D tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:** Ông Phùng Tiến Chương- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 118/2022/TLST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2021/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: Q V T, tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 10 tháng 5 năm 1991, tại huyện Nh Th, tỉnh Th H; Nơi ĐKKHTT và chỗ ở hiện nay: Thôn B C, xã X Ph, huyện Nh Th, tỉnh Th H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Q H K (Đã chết) và con bà V Th C; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/9/2022 đến nay. Có mặt tại phiên tòa

- **Bị hại:** Anh V V Q, sinh năm 2005. Trú tại: Bản Th D, xã X L, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Có đơn xét xử vắng mặt

- **Người đại diện hợp của Bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Anh V V Kh, sinh năm 1975. Trú tại: Bản Th D, xã X L, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Có đơn xét xử vắng mặt

- **Người chứng kiến:** Anh V V T. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ ngày 10 tháng 9 năm 2022, anh V V Kh điều khiển xe gắn máy nhãn hiệu ESPERO, màu đỏ, biển kiểm soát 37TA-005.19 của con trai là V V Q đi từ nhà đến khu vực rẫy ở bản Th D. Khi đến nơi, anh Kh dựng xe bên đường ĐT543B rồi đi bộ lên rẫy làm việc. Cùng thời gian này, Q V T, đi bộ một mình theo đường ĐT543B từ khu vực bản V, xã Y N, huyện T D đến xã X L, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Khi T đi đến địa phận bản Th D, xã X L, huyện T D, tỉnh Nghệ An thì thấy 01 xe gắn máy nhãn hiệu ESPERO, màu đỏ, biển kiểm soát 37TA-005.19 dựng bên đường ĐT543B. Quan sát xung quanh thấy không có người trông coi nên T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe gắn máy. T đi đến dắt chiếc xe gắn máy rồi ngồi lên xe thả trôi dốc xuôi theo đường ĐT543B đến ngã 3 cầu C R, xã X L, huyện T D. Sau đó T tiếp tục dắt bộ chiếc xe qua cầu, rẽ phải đi tiếp trên đường Quốc lộ 7A về hướng huyện K S. Vào lúc 17 giờ cùng ngày, khi T dắt xe đi đến địa phận bản L, xã X L, huyện T D, tỉnh Nghệ An thì T dừng nghỉ một lát rồi lấy con dao mang theo cạy phá ổ khóa chiếc xe để nổ máy thì bị Tổ công tác Công an xã X L, huyện T D phát hiện, bắt quả tang và lập biên bản niêm phong vật chứng theo quy định của pháp luật.

Tại bản Kết luận giám định số 18/KLĐG ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T D, tỉnh Nghệ An kết luận: 01 chiếc xe gắn máy nhãn hiệu ESPERO, màu đỏ, biển kiểm soát 37TA-005.19 tại thời điểm định giá có giá trị 4.000.000 đồng.

Bản cáo trạng số 126/CT-VKS-TD ngày 02 tháng 11 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T D đã truy tố Q V T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố của Bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo: Q V T mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”; Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo; xử lý vật chứng theo đúng quy định của pháp luật;

Bị hại anh V V Q và người đại diện hợp pháp của bị hại anh V V Kh trong đơn xét xử vắng mặt không yêu cầu bồi thường thiệt hại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, không có ý kiến gì tranh luận với bản luận tội của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công an huyện T D, tỉnh Nghệ An, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

[1.2]. Về sự có mặt của người tham gia tố tụng: Bị hại anh V V Q, người đại diện hợp pháp của bị hại anh V V Kh có đơn xét xử vắng mặt. Người chứng kiến anh V V T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, tuy nhiên trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai của những người này. Vì vậy, căn cứ vào các Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người trên.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Q V T đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan người chứng kiến, phù hợp với các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ. Vì vậy có đủ cơ sở để khẳng định: Vào 17 giờ ngày 10/9/2022, tại bản L, xã X L, huyện T D, tỉnh Nghệ An, Q V T có hành vi lấy trộm 01 chiếc xe gắn máy nhãn hiệu ESPERO, màu đỏ, biển kiểm soát 37TA-005.19 của anh V V Q có giá trị 4.000.000 đồng. Hành vi bị cáo đã thực hiện, trị giá tài sản bị chiếm đoạt đã cấu thành tội: Trộm cắp tài sản. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Chính vì vậy cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T D đã truy tố bị cáo Q V T theo tội danh và Điều luật, viện dẫn ở trên là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[3] Tính chất, mức độ hậu quả của vụ án: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự đã cố ý thực hiện hành vi trộm cắp tài sản xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Hành vi của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật. Động cơ mục đích phạm tội của bị cáo là vì vụ lợi cá nhân. Vì vậy cần lên mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo sau khi phạm tội đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình gây ra, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, ông nội bị cáo là người có công với cách mạng nên Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt thể hiện sự khoan hồng của nhà nước ta mà cải tạo mình thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[6] Hình phạt bổ sung: Kết quả xác minh tài sản của bị cáo chỉ đủ duy trì cuộc sống thiết yếu hàng ngày và không có tài sản nào được tạo lập từ việc phạm tội nên chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Anh V V Q đã nhận lại chiếc xe máy bị mất trộm nên không yêu cầu bồi thường.

[8] Về vật chứng vụ án:

+ 01 (một) xe gắn máy nhãn hiệu ESPERO, màu đỏ, biển kiểm soát 37TA-005.19. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T D đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu là anh V V Q.

+ 01 (một) con dao dài 40cm, cán bằng gỗ dài 15cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 25cm, chỗ rộng nhất của lưỡi dao rộng 05cm đã qua sử dụng là vật chứng vụ án không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự

- Tuyên bố bị cáo Q V T phạm tội “Trộm cắp tài sản”
- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

- Xử phạt: **Q V T 06 (Sáu) tháng tù.** Thời hạn tù được tính từ ngày 10/9/2022

- Xử lý vật chứng Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Tiêu hủy vật chứng còn lại của vụ án (Đặc điểm và tình trạng vật chứng như trong biên bản giao nhận ngày 03.11.2022 giữa cơ quan cảnh sát điều tra

Công an huyện T D, tỉnh Nghệ An và Chi cục Thi hành án dân sự huyện T D, tỉnh Nghệ An);

- Án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH bị cáo Q V T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 20/12/2022. Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh NA;
- VKS H. T D;
- Công an T D;
- Bị cáo, Trại tạm giam;
- Bị hại; Người đại diện;
- Người CQLVNVLQ;
- UBND xã Nh X, Nh Th Thanh Hóa;
- Sở Tư Pháp Nghệ An;
- Chi cục THADS T D;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Ái